

GIÁ TRỊ ĐẠO ĐỨC CÁ NHÂN QUA KHẢO SÁT Ở CÁC LÀNG VEN ĐÔ HÀ NỘI HIỆN NAY

NGÔ VĂN GIÁ^(*)

1. Làng ven đô Hà Nội cũng tương tự như khá nhiều làng giáp ranh với các khu vực đô thị đang đứng trước một thực trạng gay gắt: các giá trị văn hoá truyền thống bị tác động và biến đổi dữ dội, liên tục, hàng ngày hàng giờ với tất cả chiều thuận và chiều nghịch của nó. Nguyên nhân chính của thực trạng trên chính là do tác động của ba “cơn bão”: kinh tế thị trường, đô thị hoá và công nghiệp hoá.

Hình dung về thực trạng biến đổi của các giá trị văn hoá truyền thống ở các làng ven đô, có thể thấy trên ba cấp độ chính tương ứng với ba giá trị cơ bản nhất: giá trị cộng đồng làng, giá trị cộng đồng gia đình (dòng họ), và giá trị đạo đức cá nhân. Với mỗi một cấp độ này có thể triển khai thành một nghiên cứu khoa học lớn, tương đối độc lập. Trong khuôn khổ bài viết nhỏ này, chúng tôi chọn bàn đôi điều về vấn đề đạo đức cá nhân của cư dân các làng ven đô hiện nay - một phần trong kết quả của công trình nghiên cứu “Những biến đổi về giá trị văn hoá truyền thống ở các làng ven đô Hà Nội trong thời kỳ đổi mới”. Ở công trình nghiên cứu này, chúng tôi đã chọn 3 làng tiêu biểu để tiến hành khảo sát,

gồm: làng Lỗ Khê (huyện Đông Anh); làng Quán Tịch, một làng ven đê sông Đuống (Quận Long Biên); và làng Lê Mật (Quận Long Biên).

Ngày hôm nay, nhìn một cách tổng quát, các giá trị cộng đồng vẫn còn được bảo lưu khá tốt. Song trong bối cảnh xã hội hiện đại, kinh tế thị trường, con người cá nhân phát triển mạnh mẽ với nhiều yếu tố tích cực, nhưng cũng có những yếu tố đáng báo động. Nhìn vào các làng nông thôn nói chung và các làng ven đô nói riêng, nơi các giá trị cộng đồng đang còn chiếm vị trí ưu thế, song ý thức về con người cá nhân và những biểu hiện của nó ngày càng rõ rệt với cả cái hay và cái dở của chúng. Cho nên, khi nghiên cứu về văn hóa làng hiện nay, cần phải xem vấn đề cá nhân như một nội dung cần thiết. Tuy nhiên, vấn đề con người cá nhân là một phạm trù rộng lớn, thích hợp với một đề tài khác. Ở đây, chúng tôi chỉ xem xét các giá trị đạo đức cá nhân mà thôi.

Đạo đức là một phạm trù cũng rất rộng. Nhưng nếu thu hẹp vào đối tượng là cá nhân, chúng lại mang nội hàm

^(*) PGS., TS. trường Đại học Văn hóa Hà Nội.

tương đối xác định. Vấn đề đạo đức cá nhân đã được các nhà triết học Đông - Tây bàn bạc từ lâu. Song nhìn một cách tổng quát, có thể hình dung theo cách dưới đây: “Đạo đức cá nhân bao gồm hai loại quan hệ (hoặc trách nhiệm) đạo đức: quan hệ đạo đức của cá nhân với người khác, với những cộng đồng có liên quan đến mình, và quan hệ đạo đức của cá nhân với bản thân mình. Trách nhiệm đạo đức này thể hiện ở những đức tính (trong tiếng Việt bắt đầu bằng chữ “tự”): *tự trọng, tự tín, tự ái*... (...). Tự trọng là mình trọng mình, “tự tín” là mình tin ở mình, “tự ái” là mình biết yêu, biết quý mình... Những đức tính này là biểu hiện của quan hệ mình với mình trong đời sống ý thức và sự hiện diện của quan hệ mình với mình có giá trị vô song đối với nhân cách và bản lĩnh con người” (1, trang 8-9). Trên cơ sở xác định nội hàm như vậy, nhìn vào giá trị đạo đức cá nhân ở các làng ven đô Hà Nội hiện nay, chúng tôi xét trên hai cấp độ tương ứng với hai loại quan hệ: quan hệ đạo đức cá nhân với cộng đồng và người khác, quan hệ đạo đức cá nhân với chính bản thân mình.

2. Thực trạng đạo đức cá nhân ở các làng ven đô trong tình hình hiện nay

Xét giá trị đạo đức cá nhân trong mối quan hệ giữa cá nhân với cộng đồng và với người khác

Mối quan hệ trước tiên của mỗi cá nhân là đối với cộng đồng làng xã, tức là cái *tư cách thôn dân* của họ.

Trong các làng xã nông thôn Việt Nam truyền thống, mỗi thành viên trong làng, ngay từ khi mới lọt lòng đã được làm quen và tiếp nhận dần dần cái

ý thức, trách nhiệm và sự gắn bó của thân phận mình đối với cộng đồng làng. Khái niệm “làng mình”, “làng ta” đã dần được hình thành trong mối quan hệ so sánh với làng khác. Cứ thế, lớn lên, vào tuổi thanh niên, nhất là giai đoạn trung niên trở về già, thì sự gắn bó đối với cộng đồng làng ngày càng tự nguyện và sâu sắc. Ngày hôm nay, tinh thần này vẫn đang là chủ đạo. Sự biến đổi có thể thấy ít nhiều, nhưng chiếm vai trò thứ yếu.

Tinh thần gắn bó tự nguyện được thể hiện ra ở nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi một thôn dân đối với làng. Điều này được thể hiện trong hầu hết các lĩnh vực thuộc kinh tế, chính trị, xã hội, trong sinh hoạt vật chất và sinh hoạt tinh thần.

Trước nhất, có thể tìm thấy trong hoạt động đóng góp kinh phí cho các công trình kiến trúc của làng. Các công trình kiến trúc ở đây bao gồm các công trình thuộc về tín ngưỡng của làng như đình, chùa; còn lại là các công trình dân sinh như nhà trẻ, nhà văn hóa, đường làng, cổng làng. Theo số liệu điều tra cho thấy, số lượng các cá nhân tham gia đóng góp cho việc sửa đình, sửa chùa chiếm số lượng cao nhất. Ở làng Quán Tỉnh chẳng hạn, có đến 96,6% những người dân tự nguyện đóng góp cho việc sửa đình, và 100% tự nguyện đóng góp cho việc sửa chùa. Cũng tại đây, đóng góp cho việc xây sửa nhà trẻ, xây sửa đường làng chiếm tỉ lệ khá cao: 78% và 94%. Hai công trình trên thuộc hoạt động tâm linh, đáp ứng nhu cầu tâm linh của mỗi thành viên trong làng. Trước kia, thời phong kiến, còn có quỹ của làng như tế điền (ruộng dành cho

việc tế tự). Ngày nay, khi quỹ làng không còn nữa, các thành viên trong làng tự nguyện đóng góp để tu bổ đình chùa. Đối với làng Lỗ Khê, tỉ lệ những người dân tham gia đóng góp vào các công trình công cộng ở mức rất cao, mỗi hạng mục thuộc kiến trúc tín ngưỡng hoặc dân sinh đều có số người đóng góp chiếm từ 92% đến 96%. Quan sát ở một số nơi khác cũng thấy được trách nhiệm của mỗi cá nhân trong làng đối với công việc chung của làng là rất lớn. Ví dụ như dân làng Lệ Mật trong những ngày từ tháng 5/2005 cho đến những ngày đầu năm của năm 2006 đã rất đoàn kết, đồng tâm hiệp lực bảo vệ khu Quần thể di tích đình làng Lệ Mật đã được xếp hạng di tích quốc gia khi công trình này bị bên Dự án xây dựng đô thị Việt Hưng cố tình vi phạm. Ngày 6/1/2006, hàng ngàn người dân làng Lệ Mật, đi đầu là các cụ ông cụ bà trong làng đã đứng ra ngăn chặn đoàn xe của Dự án khi đoàn xe này định san lấp, mở rộng con đường cắt qua phần đất nằm trong tổng thể không gian cần được bảo vệ nghiêm ngặt của đình làng. Các cụ ông, cụ bà trải chiếu ra đường chặn đoàn xe. Con cháu trong làng đem cơm nước cho các cụ ăn trưa. Bà con tiểu thương tại chợ Lệ Mật đã tài trợ kẹo, bánh, hoa quả, trà nước cho các cụ sử dụng. Xem thế để thấy tình cảm, nghĩa vụ và trách nhiệm của các thành viên trong làng là rất cao.

Thực ra cũng cần phải nói thêm: ngoài tình cảm và ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng thôi thúc họ tham gia đóng góp tài sản và bảo vệ các công trình công cộng của làng, cũng còn một lý do nữa cắt nghĩa điều này đó là danh dự, ý thức tự trọng của mỗi người dân.

Ở làng xã, nếu như ai đó đứng ngoài công việc chung của làng sẽ bị người khác dị nghị, hoặc chê bai. Thường thì mỗi người dân trong làng “trông nhau” mà xử sự. Hễ thấy đa số người ta đóng góp với mức tiền nào đó, bà con hỏi nhau rồi đóng góp với mức tương tự. Nếu đóng góp cao quá sợ bị cho là chơi trội. Hễ đóng thấp quá, dễ bị đánh giá là keo kiệt, bủn xỉn...

Thứ đến, cũng có thể xem xét thêm đạo đức cá nhân với tư cách là một thôn dân ở các loại hoạt động như hình thức lao động theo nhóm trong các làng. Trong số các câu hỏi về những hình thức như làm đổi công, giúp nhau làm nhà, tạo công ăn việc làm cho bà con trong làng, lập nhóm buôn bán, lập nhóm nghề thủ công, thì kết quả cho thấy: số người tham gia giúp nhau làm nhà chiếm tỉ lệ cao nhất: ở Quán Tĩnh là 68,7%, ở Lỗ Khê là 28% (riêng Lỗ Khê, số hộ hiện đã làm nhà mới đang còn ít so với nơi khác). Hiện tượng giúp nhau làm nhà trước đây ở các làng quê diễn ra rất giản dị, thân tình. Đại đa số bà con không có tiền để giúp, hoặc có cũng ít khi giúp bằng tiền, mà chủ yếu cho vay, mượn vật liệu (gỗ, gạch, ngói, tre...), hoặc giúp cho vay gạo, thóc, rượu, lợn để làm thịt, hoặc đơn giản hơn là giúp công (vận chuyển vật liệu, san lấp mặt bằng...). Ngày hôm nay, một số hình thức giúp đỡ như trên không còn duy trì nữa, mà họ giúp theo cách cho vay tiền, vàng, hoặc giúp công sức là chính, nghĩa là đi theo hướng thiết thực. Cách giúp đỡ ngày xưa tuy có thể tình cảm ấm áp hơn, nhưng hiệu quả không cao (thí dụ vận chuyển bằng đôi vai

không thể so với vận chuyển bằng xe cơ giới như bây giờ).

Việc tham gia các phường hội trong làng cũng là một chỉ báo thú vị cho thấy khía cạnh đạo đức cá nhân của mỗi thành viên trong làng. Ngày xưa, thời những năm trước cách mạng, những người dân quê Việt Nam rất hay lập thành các hội, nhóm tự nguyện. Những người đỗ đạt thành hội tư văn, những người học hành mà không đỗ đạt lập thành hội tư phả, những viên quan võ thành lập hội võ phả, rồi thì hội đồng môn, đồng tuế, hội chư bà, hội họ, hội thả diều, chơi chim... “Xem thế thì thấy rằng người nhà quê ta rất ham lập hội. Trong làng thường năm có nhiều kỳ tế lễ để dân làng có dịp ăn uống vui chơi” (2, tr.144). Tuy nhiên, cũng có những hội hoạt động có ý nghĩa tích cực, nhất là hội chơi họ duy trì hoạt động tương tế, giúp nhau trong lúc ốm đau hoạn nạn, cha già mẹ héo. Hiện nay, hầu hết các làng vẫn duy trì một số hội như Hội đồng môn, hội đồng tuế, hội đồng ngũ, chơi họ. Mục đích tham gia các hội này ngoài việc củng cố tình đoàn kết, động viên nhau lúc vui buồn, gặp gỡ để ăn uống vui vẻ thì có một ý nghĩa khác rất quan trọng của ngày hôm nay là giúp đỡ nhau làm kinh tế. Có đến 94% ở hai nơi phát phiếu điều tra cho thấy các thành viên của các hội họ đều tìm thấy ý nghĩa tham gia vào đó để giúp nhau làm kinh tế. Điều này, về cơ bản là khác truyền thống. Trước kia mục đích sinh hoạt hội họ chỉ dừng lại ở ý nghĩa tương tế (giúp đỡ, an ủi lẫn nhau trong những lúc rủi ro, bất hạnh, ốm đau...) là chính. Vậy là nội dung đạo đức cá nhân trong các loại hoạt động hội nhóm này ngày hôm nay

đã có biến đổi. Trong tinh thần chung của xã hội, khát vọng và năng lực làm giàu của mỗi cá nhân ngày càng được khẳng định. Cho nên, việc vào hội, họ để giúp nhau làm ăn, phát triển kinh tế được xem như là một khía cạnh tích cực.

Mối quan hệ thứ hai của các cá nhân nằm trong cộng đồng gia đình - gia tộc, có thể gọi đó là *tư cách họ tộc*.

Thứ nhất, xét trong phạm vi gia đình. Đạo đức của mỗi cá nhân trong gia đình trước hết thể hiện ở trách nhiệm và nghĩa vụ đối với những người thân trong gia đình của mình. Nếu là người cha người mẹ phải có trách nhiệm nuôi dưỡng, giáo dục đối với con cái. Nếu là con cái lại phải biết nghe lời cha mẹ, hiếu thảo đối với ông bà, đối xử tốt với anh em. Ngoài ra, mỗi thành viên phải có một tình cảm và một ý thức gắn bó tự nguyện, tự hào về truyền thống, nề nếp gia phong của gia đình. Khi lớn lên, dù sống tại làng hay đi xa, ai cũng có ý thức sống sao cho đẹp lòng cha mẹ, anh em, rộng ra là họ hàng, không để gia đình, những người thân thích trong nhà phải mang tiếng lây, hoặc phải xấu hổ. Thí dụ, những đức tính như lòng hiếu thảo với ông bà, cha mẹ; lòng chung thủy vợ chồng, tình thương yêu đùm bọc lẫn nhau giữa các anh em ruột thịt trong nhà, lòng yêu thương và trách nhiệm dạy dỗ con cái đều được hầu hết những người được phát phiếu điều tra coi là rất quan trọng, chiếm tỉ lệ từ 73,3% đến 96,7% ở Quán Tĩnh, và 72% ở Lỗ Khê, tuyệt đối không có một phiếu nào cho kết quả là không quan trọng. Điều này cho thấy ý thức về đạo đức của mỗi cá nhân trong gia đình là rất lớn. Các cá nhân gắn bó chặt chẽ với gia đình,

không chỉ thời tuổi thơ mà ngay cả lúc đã trưởng thành. Cho nên, ý thức đạo đức cá nhân trong quan hệ gia đình ở các làng quê Việt Nam xưa nay khá phát triển.

Tuy nhiên, vẫn phải thừa nhận rằng, trong mối quan hệ gia đình, cũng không tránh khỏi một số hiện tượng rạn nứt. Thí dụ như hiện tượng người già bị ngược đãi, trẻ em bị bố mẹ bỏ rơi, chồng đánh chửi vợ, anh em đánh chửi lẫn nhau... Tuy những trường hợp này không phải là nhiều, và không phải đến thời này mới có. Điều đáng nói hơn cả là một trong số những hiện tượng trên là do nguyên nhân từ kinh tế, từ chuyện chia chác đất đai trong gia đình. Các làng ven đô trong cơn lốc thị trường kéo đến, tài sản đáng kể duy nhất của họ là đất hương hỏa cha ông để lại. Tấc đất tấc vàng. Có hai trường hợp xảy ra: một là, đất bị nhà nước trưng dụng và đền bù; hai là, một số gia đình bán đất cho người nơi khác đến mua. Việc đền bù, hoặc mua bán đều đem lại những món tiền đáng kể. Nếu bố mẹ không công bằng khi chia quyền lợi, anh em tranh phần hơn thế nào cũng sinh ra cãi nhau, con cái hỗn láo, ngược đãi cha mẹ.

Thứ hai, trong quan hệ họ hàng, nhìn chung mỗi cá nhân đều gắn bó thân phận, danh dự bản thân với dòng họ của mình. Trong hoạt động thờ cúng tổ tiên, thờ họ, giỗ tổ, những người dân trong làng vẫn noi theo và có ý thức, trách nhiệm cao. Đây là loại quan hệ có ý nghĩa tâm linh là chính. Song đồng thời quan hệ họ hàng truyền thống ở Việt Nam còn là sản phẩm của tinh thần phụ quyền, gia trưởng. Ý thức này chi phối mạnh mẽ tới mỗi thành viên

trong họ tộc. Trong những năm gần đây, khi mà mức sống của mỗi gia đình được cải thiện hơn so với trước, thì nhu cầu sinh hoạt dòng họ, sự gắn kết dòng họ có chiều hướng được tăng cường. Tuy nhiên, nhìn trên toàn cảnh cho thấy, các dòng họ ở nông thôn Việt Nam cho đến ngày hôm nay vẫn nghiêng về quan hệ có tính chất *tinh thần luận* hơn là việc giúp nhau làm ăn, phát triển kinh tế. Mỗi dòng họ ở nông thôn chưa bao giờ tồn tại như một đơn vị kinh tế. Kinh tế vẫn thuộc trong phạm vi hộ gia đình là chính.

Ngoài ra, với tư cách là một thành viên gia đình gia tộc, cũng thấy xuất hiện những hiện tượng như bố mẹ già bị con cái ngược đãi, hoặc trẻ em bị bố mẹ bỏ rơi. Lại cũng có khi có những trường hợp người vợ bị chồng đánh đập, hoặc ở trường hợp khác, có những đôi vợ chồng sống ly thân, ly hôn. Trong bảng điều tra, với loại câu hỏi có hay không những hiện tượng kể trên, kết quả thu về khẳng định là có chiếm một tỉ lệ cao. Tuy nhiên, các trường hợp này diễn ra chưa phải đã nhiều.

Xét giá trị đạo đức cá nhân trong quan hệ của mỗi cá nhân đối với chính bản thân mình, tức là tư cách tự tu. Ở đây, chúng tôi tập trung bàn về ý thức tự tu dưỡng của các cá nhân trong làng xóm hiện nay.

Trước tiên có thể thấy rằng ý thức tự trọng cá nhân của các cá nhân trong làng hiểu theo nghĩa tôn trọng chính mình, và nhờ tôn trọng chính mình nên không muốn để người khác đánh giá xấu về mình, hiểu sai về mình là một tinh thần được quán triệt rất mạnh mẽ.

Ai sống trong làng cũng muốn được tiếng là biết ăn biết ở, có trước có sau, kính trên nhường dưới, được dân làng yêu quý, nể vì. Hiểu theo nghĩa như vậy thì đại đa số những người dân trong làng đều noi theo tinh thần này. Tuy nhiên, mức độ tự trọng và ý thức chăm sóc lòng tự trọng ở mỗi người mỗi khác. Đây là một vấn đề rất khó đo lường. Ở hai làng mà chúng tôi khảo sát, vẫn thấy có một vài trường hợp nghiện hút, có người ăn trộm; riêng ở Quán Tĩnh có cả người hành nghề mại dâm (chỉ có một trường hợp duy nhất, cô này đi lấy chồng ở nơi khác, sau khi sa ngã, ôm con về nương nhờ nhà cha mẹ đẻ, rồi lại đi hành nghề tiếp). Lý do dẫn đến các trường hợp kể trên có thể rất phức tạp, và có thể nguyên nhân thuộc vào hoàn cảnh xã hội tác động. Nhưng chắc chắn có một lý do: ý thức tự tu thân, tự có kỷ luật cao đối với bản thân theo tinh thần Nho giáo xưa đã bị ít nhiều phai nhạt. Ngày trước tinh thần *Phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất* được xem như những giá trị cao quý của mỗi cá nhân, nhất là những bậc chính nhân quân tử, các nhà Nho tiết tháo. Tinh thần này cũng ảnh hưởng tích cực đến đời sống cộng đồng. Nhưng ngày hôm nay, nó không còn được nhắc đến nhiều, và nhất là cái tinh thần cao quý của nó ít được quan tâm và trau dồi.

Thứ nữa, bên cạnh ý thức tự trọng còn phải kể đến ý thức tự tín, nghĩa là niềm tự tin vào chính bản thân mình. Tự tin không chỉ bao gồm tin vào nhân cách của mình mà còn phải biết tin vào năng lực trí tuệ của mình. Ở phương diện này, có thể nói các cá nhân trong đời sống nông thôn của ta còn rất khiêm

tốn. Họ có thể tự tin vào nhân cách đạo đức của mình, chứ ít có khả năng suy xét và khám phá năng lực trí tuệ và cùng với nó là năng lực sáng tạo. Đó là nói đến tình hình trước kia, trong làng xã truyền thống. Còn ngày hôm nay, cũng đã xuất hiện một số cá nhân biết vươn lên làm giàu, khẳng định khả năng làm ăn kinh tế, quyết không chịu chấp nhận nghèo túng, thiếu đói. Hoặc cũng có một số cá nhân, nhất là thế hệ trẻ khẳng định năng lực và trí tuệ của mình thông qua con đường học hành, đỗ đạt. Số người học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trong những năm qua ở các làng khá nhiều. Ở làng Lỗ Khê còn có mấy chục hộ làm nghề đóng đồ mộc, chủ yếu là các mặt hàng sinh hoạt dân dụng như tủ, giường, bàn ghế là chính. Hoặc vào những ngày nông nhàn, một số lao động đã đi làm mộc thuê cho Đồng Kỵ chẳng hạn... Khát vọng tự khẳng định mình, thoát nghèo, trong đó có một số nuôi chí làm giàu ngày càng rõ rệt và được nhiều người theo đuổi.

Ở làng xã Việt Nam xưa kia từng truyền tụng câu nói: “ếch ngồi đáy giếng” nhằm để chỉ một thứ tự tin của người dốt nát. Ngày hôm nay, do phương tiện truyền thông đại chúng phát triển, hoạt động giao lưu, đi đây đi đó ngày một thuận lợi, nên ít ai lại có tâm lý tự mãn về trí tuệ, học vấn, khả năng sáng tạo. Thậm chí, nhiều ông bố, bà mẹ trước kia vì nhiều lý do, học hành dở dang, nay quyết chí đầu tư cho con học hành đến nơi đến chốn hy vọng sau này bố mẹ được nhờ.

Tâm lý yêu mến và quý trọng bản thân mình ở các cá nhân trong làng xã

Việt Nam không được thể hiện rõ rệt. Chỉ có tâm lý tự hào về bản thân là có thể thấy, rõ nhất trong những trường hợp các cá nhân học hành giỏi giang, thành đạt; hoặc ở những cá nhân giàu có. Tuy nhiên, loại tâm lý này thường bị người Việt kiêu ngạo, xem thường người khác. Đây cũng là một trong những nguyên nhân dẫn đến ý thức cá nhân chậm phát triển là vì vậy. Trong khi đó tâm lý tự hào về cộng đồng làng, về gia đình dòng họ lại thể hiện rõ hơn cả.

Tuy nhiên, cũng cần phải thấy thêm rằng, tâm lý tự hào về cộng đồng, nhất là cộng đồng gia đình, dòng họ, ở những trường hợp thái quá, lại biến tướng thành “Phép thắng lợi tinh thần” như trong *AQ chính truyện* của đại văn hào Lỗ Tấn. Nó được biểu hiện ra theo kiểu như: “Nhà tao ngày xưa giàu bằng mấy nhà mày”, hoặc “Cụ tổ nhà tao đỗ tiến sĩ, làm quan to trong triều”... Từ tâm lý này sinh ra thói xem thường, coi khinh người khác, chạy theo danh hão, thiếu ý thức tự trọng và tự chủ phấn đấu của cá nhân. Những nét tâm lý kiểu này còn khá trầm trọng trong làng xã nông thôn Việt Nam, kể cả vùng ven đô. Nếu quan sát trong các đám ăn uống tiệc tùng đông người như đám cưới, giỗ, Tết... không khó khăn lắm trong việc nhận ra những biểu hiện như thế.

3. Nhìn chung, ý thức cá nhân ở Việt Nam chậm phát triển, ở nông thôn lại chậm hơn nữa. Chung quy lại, khi nhìn đạo đức cá nhân qua hai cấp độ: cá nhân với cộng đồng, với người khác <1> và cá nhân với chính bản thân mình <2> thì chúng ta thấy rằng cấp độ <1>

lớn hơn cấp độ <2>. Điều này không chỉ đúng với các cá nhân ở làng xã ven đô mà còn đúng với toàn bộ người Việt chúng ta.

Những năm gần đây, cùng với đời sống đô thị, ở nông thôn vùng ngoại thành, ý thức cá nhân ngày càng được thể hiện rõ với những biểu hiện cả theo chiều thuận và chiều nghịch của nó. Đặc biệt ở lớp người trẻ tuổi, khi mà trình độ học vấn ở họ khá đồng đều, đại đa số tốt nghiệp phổ thông trung học trở lên, họ lại được tiếp xúc với thông tin truyền thông, khoa học kỹ thuật, được đi đây đi đó, được khuyến khích nuôi chí làm giàu, được khẳng định năng lực sáng tạo của mình thì dần dần ý thức cá nhân đã phát triển nhanh hơn.

Song cũng cần phải nhấn mạnh rằng một xã hội phát triển ở một trình độ cao, một cá nhân thực sự được coi là trưởng thành, thì tất cả đều hướng tới việc thu xếp cho tốt mối quan hệ hài hoà giữa giá trị cá nhân (trong đó có giá trị đạo đức) và giá trị cộng đồng. Ý thức được điều này, người làm công tác quản lý xã hội trên lĩnh vực văn hoá sẽ có sự chủ động hơn trong việc phối hợp nhằm xây dựng một trạng thái văn hoá làng ven đô lành mạnh và tiến bộ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lời giới thiệu của Hoàng Ngọc Hiến trong *Xác lập cơ sở cho đạo đức* của François Jullien. H.: Đà Nẵng, 2000.
2. Đào Duy Anh. Việt Nam văn hóa sử cương. Tp. Hồ Chí Minh: Tp. Hồ Chí Minh, 1992.